TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 542/2025/DS-PT
Ngày: 28-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Bích Tuyền

*Các Thẩm phán:*Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp tiền vay".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thế Q, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số A ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Số A ấp S, xã C, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1990 và bà Lê Thị N, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Số A khu phố A xã C, tỉnh Tây Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Đoan T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

- Ông Nguyễn Minh N1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn ông Trần Thế Q và cùng các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 06 tháng 10 năm 2022 ông Q có cho ông P, bà N mượn số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,3%/tháng. Ông Q giao tiền tại nhà của ông P, bà N. Sau khi nhận tiền thì ông P, bà N có giao lại cho ông Q 01 Biên nhận có đóng dấu của Chi nhánh 1- Doanh nghiệp tư nhân X và có chữ ký của bà N (vợ của ông P). Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nhưng ông P, bà N nói khi nào cần lấy lại tiền gốc thì báo trước 01 tháng.

Ông Q đã nhận tiền lãi của tháng 11, tháng 12 năm 2022 và tiền lãi tháng 01 năm 2023 là 97.500.000 đồng (tiền lãi 32.500.000 đồng/tháng x 3 tháng). Đến tháng 02 năm 2023 nhận tiền lãi thì ông P, bà N nói việc làm gặp khó khăn nên xin ngưng không trả lãi. Nên ông Q yêu cầu lấy lại tiền gốc 2.500.000.000 đồng thì ông P, bà N hứa bán đất sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả.

Đối với phần đất diện tích 198,5 m^2, thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phần đất nói trên hiện ông Q đang đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, ông Q nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh N1 (em trai của ông P). Do trước đây bà Trần Thị Đoan T (chị ruột của ông Q) có cho ông P, bà N vay tiền để lấy lãi. Khi bà T yêu cầu lấy lại tiền cho vay khoảng hơn 2 tỷ đồng, do không có tiền để trả nên ông P, bà N sang tên cho bà T phần đất nói trên để làm tin. Do bà T không muốn chồng biết việc bà T cho vay lấy lãi, nên bà T nhờ ông Q đứng tên dùm. Khoản tiền bà N cho rằng là tiền của bà T cho vợ chồng bà N vay là không liên quan đến số tiền 2.500.000.000 đồng mà ông Q khởi kiện.

Nội dung Giấy thỏa thuận đề ngày 16 tháng 01 năm 2023 có nội dung "trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập thoả thuận nếu ông P không trả số tiền 2.500.000.000 đồng và tiền lãi cho bà T là chị của ông, thì bà T được quyền thanh lý phần đất diện tích 198,5 m^2, thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh để khấu trừ nợ". Chữ viết trong Giấy thoả thuận nói trên không phải là chữ viết của ông Q.

Nay ông Q yêu cầu vợ chồng bà N, ông P phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 2.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức 0,83%/tháng từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 06 tháng 6 năm 2025.

Bị đơn bà Lê Thị N có lời trình bày như sau: Do quen biết và có giao dịch làm ăn với bà Trần Thị Đoan T (chị ruột của ông Q), bà T nói có số tiền

dư cần gửi lấy lãi nên có liên hệ bà N để gửi tiền. Ngày 06 tháng 10 năm 2022, bà T nói bận công việc làm ăn nên không ghé nhà gửi tiền được nên mới nhờ ông Q đến gửi số tiền 2.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất sẽ trả là 1,3%/tháng.

Sau khi nhận tiền, bà N có giao lại cho ông Q 01 Biên nhận có đóng dấu của Chi nhánh 1- Doanh nghiệp tư nhân X và bà có ký tên. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận nói là khi nào cần lấy lại tiền gốc thì báo trước. Bà N2 đã trả 03 tháng tiền lãi của tháng 11, tháng 12 năm 2022 và lãi tháng 01/2023 là 97.500.000 đồng (32.500.000 đồng/tháng x 3 tháng). Đến giữa tháng 01 năm 2023, do gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên bà T có đến gặp bà N và anh P đề nghị lấy lại tiền gốc 2.500.000.000 đồng. Do lúc đó vợ chồng không có tiền nên có thỏa thuận sẽ sang tên 01 phần đất diện tích 198,5 m^2, thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do em trai của anh P là Nguyễn Minh N1 đứng tên sang cho bà T đứng tên để làm tin. Nên hai bên có làm 01 Giấy thỏa thuận đề ngày 16 tháng 01 năm 2023, do ông Q viết với nội dung "trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày lập thỏa thuận, nếu anh P không trả số tiền 2.500.000.000 đồng và tiền lãi cho bà T thì bà T được quyền thanh lý phần đất nói trên để khấu trừ nợ". Bà T nói bị đau chân nên không đi công chứng sang tên được và nói là giấy Biên nhận đứng tên ông Q nên nói với vợ chồng bà là sang tên cho ông Q đứng tên. Việc sang tên được thực hiện tại Văn phòng C Tây Ninh, đến ngày 14 tháng 02 năm 2023 ông Q đã đứng tên phần đất đó. Bà N xác định số tiền ông Q khởi kiện là của bà T, bà T nhờ ông Q là em ruột của bà T đi gửi dùm. Nay bà có ý kiến như sau:

Phương án 1: Bà và ông P đồng ý trả số tiền 2.500.000.000 đồng. Về phần tiền lãi xin không trả lãi nữa vì gia đình gặp khó khăn kinh tế. Ông Q phải sang tên trả lại phần đất nói trên lại cho ông N1.

Phương án 2: Bà, anh P và ông Q sẽ thỏa thuận lại giá trị phần đất nói trên, nếu giá trị phần đất không đủ số tiền 2.500.000.000 đồng mà vợ chồng bà phải trả cho ông Q thì vợ chồng bà sẽ thêm tiền bù vào phần còn thiếu.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P thống nhất với toà bộ lời khai của bà Lê Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà N là ông Dương Đức K có lời trình bày: Ông P và bà N sẽ đồng ý trả lại số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho ông Q nếu như bà T đồng ý xác nhận rằng số tiền cho vay đó là của ông Q và bà T cam kết không tranh chấp. Đồng thời, bà T và ông Q có trách nhiệm sang tên, trả lại phần đất có diện tích 198,5 m^2, thuộc thửa đất số: 1040, tờ bản đồ số: 5, đất tọa lạc tại: khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho ông N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đoan T trình bày: Bà có cho ông P bà N mượn tiền để lấy lãi và bà N có chơi hụi do bà làm chủ thảo. Ông Q là em ruột của bà T. Do biết vợ chồng nhà bà N nhận tiền

vay và trả lãi cao hơn Ngân hàng, thủ tục nhanh nên bà có cho vợ chồng bà N vay tiền nhiều lần, vay rồi trả. Giao dịch vay tiền từ năm 2021 đến nay. Hiện vợ chồng bà N còn nợ tiền gốc của bà 1.900.000.000 đồng, nếu tính tiền lãi thì số tiền sẽ hơn 2.000.000.000 đồng. Khi gửi tiền thì vợ chồng bà N đều có làm giấy nhận tiền. Số tiền 1.900.000.000 đồng này là của 02 khoản tiền gửi là 1.500.000.000 đồng và 400.000.000 đồng vào năm 2022. Đến khoảng cuối năm 2022 bà T yêu cầu nhận lại số tiền gốc nhưng bà N nói không có tiền trả vì lúc đó gia đình bà N đang gặp vấn đề về kinh tế. Bà T yêu cầu trả tiền nhiều lần thì bà N có nói với sẽ sang tên 01 phần đất có diện tích 198,5 m^2, thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do anh N1 (em chồng chị N) đang đứng tên sang cho bà T để làm tin, không được sẽ cấn trừ nợ.

Do không muốn cho chồng biết việc cho vay. Nên bà T nhờ anh Q đứng tên dùm. Sau đó anh Q và anh N1 đi làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ theo quy định và hiện nay anh Q đứng tên QSDĐ, bà T đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ. Bà T không khởi kiện đòi tiền vợ chồng bà N nữa vì vợ chồng nhà bà N đã cấn trừ xong.

Bà T không biết giấy thỏa thuận nào với bà N, ông P. Chữ viết trong Giấy thỏa thuận không phải là chữ viết của bà T. Giữa bà T và bà N, ông P chỉ có thoả thuận miệng nếu không trả được cho bà số tiền vay gốc 1.900.000.000 đồng và tiền lãi thì bà T được quyền bán phần đất nói trên. Phần tiền mà ông Q khởi kiện không liên quan đến phần tiền bà T cho vợ chồng bà N vay. Bà T không có ý kiến hay có tranh chấp gì khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh N1 trình bày: Ông là em ruột của ông P. Anh P có tặng cho ông thửa đất số 1040, có diện tích 198,5 m^2, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Do lúc đó anh P đang gặp khó khăn về kinh tế, ông chưa có nhu cầu sử dụng đất nên anh P có nói chuyển nhượng phần đất nói trên cho ông Q, nên ngày 16 tháng 01 năm 2023 ông và anh Q có đến Phòng C1 tỉnh Tây Ninh để thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất. Sau khi làm thủ tục xong thì phần đất nói trên đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Q. Việc giao dịch vay mượn là giữa các bên, anh không có ý kiến gì vì không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh).

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông P và bà N.

Ông P và bà N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Q số tiền gốc và lãi là 3.081.000.000 (ba tỷ không trăm tám mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông P và bà N phải chịu 93.620.000 đồng. Ông Q không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Q 41.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009523 ngày 09-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông P kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông P xác định yêu cầu kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông P có lời trình bày: Khoản tiền ông Q gửi là tiền của bà T. Tuy nhiên, biên nhận nợ ghi tên ông Q nên đồng ý là trả cho ông Q. Hiện nay, ông Q đã đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thửa 1040, có diện tích 198,5 m^2, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh thông qua hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa ông N1 (em trai của ông) và ông Q tại Phòng C1 tỉnh Tây Ninh sau khi bà N trả tiền lãi tháng 01 năm 2023 cho ông Q. Sau khi chuyển nhượng thửa đất trên thì từ tháng 02 năm 2023 đến nay ông Q hoàn toàn không yêu cầu trả tiền lãi. Như vậy, khoản tiền gửi 2.500.000.000 đồng xem như đã cấn trừ nợ xong. Bà T cho rằng việc chuyển nhượng thửa đất trên là cấn trừ nợ cho bà T và nhờ ông Q đứng tên giùm. Tuy nhiên, bà T không chứng minh được việc đứng tên giùm và khoản nợ của bà T là bao nhiêu. Nếu sau này bà T chứng minh được ông và bà N còn nợ bà T thì có quyền tranh chấp vụ kiện khác.

Bị đơn bà N có lời trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông P. Khoản vay bà T không thừa nhận tiền của bà T thì theo biên nhận trả cho ông Q. Giữa bà và bà T không còn khoản nợ nào khác, nếu bà T chứng minh việc còn nợ thì có quyền khởi kiện vụ kiện khác. Số tiền 2.500.000.000 đồng xem như đã cấn trừ nợ xong bằng việc chuyển nhượng thửa đất 1040. Sau khi ông Q nhận chuyển nhượng thì hoàn toàn không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Nguyên đơn ông Q có lời trình bày: Số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền của ông gửi cho bà N cho vay lấy tiền lãi, đã nhận tiền lãi 03 tháng từ tháng 11, 12 năm 2022 và tháng 01 năm 2023. Việc ông Q đứng tên thửa đất 1040 là đứng tên giùm cho bà T, hai bên thỏa thuận không lập văn bản. Do việc nợ giữa bà T và bà N nên hai bên thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 1040 để cấn trừ nợ. Từ tháng 02 năm 2023 ông có yêu cầu bà N trả tiền lãi, tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh việc yêu cầu trả tiền lãi. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông P.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông P kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông Q khởi kiện cung cấp biên nhận ngày 06/10/2022 do bà N ký tên, bà N thừa nhận có nhận số tiền 2.500.000.000 đồng. Hai bên trình bày thống nhất có trả và nhận tiền lãi 03 tháng từ tháng 11, 12 năm 2022 và tháng 01 năm 2023. Ông Q thừa nhận có đứng tên thửa đất số 1040, ông P và bà N trình bày chuyển nhượng cấn trừ số nợ 2.500.000.000 đồng xem như hết nợ. Ông Q trình bày đứng tên giùm cho bà T do bà N nợ tiền của bà T. Ông Q không cung cấp được căn cứ việc đứng tên giùm và không chứng minh việc yêu cầu bà N trả tiền lãi từ tháng 03 năm 2023 đến khi tranh chấp. Bà T không chứng minh được số tiền nợ giữa bà T và bà N. Như vậy, có căn cứ để xác định việc ông Q đứng tên thửa đất 1040 là đã cấn trừ nợ.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông P. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông P kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn ông P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông P: Nguyên đơn ông Q khởi kiện yêu cầu ông P và bà N trả số tiền đã vay 2.500.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo mức 0,83%/tháng từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 06 tháng 6 năm 2025. Căn cứ khởi kiện là 01 Biên nhận đề ngày 6 tháng 10 năm 2022, có đóng dấu của Chi nhánh 1 - Doanh nghiệp tư nhân X, có chữ ký của bà N, nội dung "*ông Trần Thế Q có gửi số tiền 2.500.000.000 đồng*".

[3.1] Bị đơn bà N, thừa nhận chữ ký trong Biên nhận đề ngày 6 tháng 10 năm 2022 có đóng dấu của Chi nhánh 1- Doanh nghiệp tư nhân X, là của bà N, (vợ ông P). Tuy nhiên, bà N và ông P cho rằng số tiền nói trên không phải của ông Q cho vay mà là của bà T, là chị ruột của ông Q nhờ ông Q đứng tên cho vay để lấy lãi. Căn cứ là đoạn trao đổi qua tin Z giữa ông Q và bà N và giữa bà N và bà T. Đoạn zalo có nội dung "*chiều anh gửi lại em món 500, em làm lại giấy 2,5 tỷ nhé, món 1,5 tỷ chị T nói chị gửi sau..tính lãi món 04 tỷ cho anh luôn nhé"*. Bà N giải thích nội dung đoạn zalo trên là ông Q trả 500.000.000 đồng làm lại giấy 1.500.000.000 đồng có nguồn gốc từ bà T đã gửi 4.000.000.000 đồng, đã rút 1.500.000.000 đồng, còn lại 2.500.000.000 đồng của bà T. Tuy nhiên, do 4.000.000.000 đồng trên chưa tính lãi nên ông Q nhắn tin có nội dung "*tính lãi 4.000.000.000 đồng cho anh"*. Đồng thời tin trao đổi zalo giữa bà T có chụp hình giấy tên Trần Thế Q số tiền 300.000.000 nội dung *"chị rút món này"* để chứng minh mối quan hệ giữa bà T và ông Q về các khoản cho vay là của một người chứ không phải là hai người khác nhau.

[3.2] Ông Q không thừa nhận lời trình bày trên của bà N và xác định 2.500.000.000 đồng là tiền gửi bà N, thừa nhận có đứng tên QSDĐ thửa đất số 1040, diện tích 198,5 m^2, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ngày 16 tháng 01 năm 2023 ông N1 và ông Q có đến Phòng C1 tỉnh Tây Ninh để thực hiện thủ tục chuyển nhượng QSDĐ nhằm mục đích cấn trừ nợ và ông Q đã được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023.

[3.3] Căn cứ vào lời trình bày và giấy nhận số tiền 2.500.000.000 đồng, các bên không thừa nhận số tiền của bà T, giấy nhận tiền có tên Trần Thế Q nên đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ của ông Q và bà T. Tại biên nhận nợ ghi lãi kỳ hạn dưới 10 ngày 0.5% và thống nhất đã trả và nhận lãi 03 tháng từ ngày 06 tháng 10 năm 2022 đến ngày 06 tháng 01 năm 2023. Đến ngày 16 tháng 01 năm 2023 ông Q ký hợp đồng nhận chuyển nhượng QSDĐ thửa đất 1040. Các bên thống nhất vay có lãi, phía bà N trình bày sau khi cấn trừ đất thì ông Q không yêu cầu trả tiền lãi, xem như đã cấn trừ xong; ông Q trình bày có yêu cầu bà N trả tiền lãi sau đó, bà N không thừa nhận. Ông Q không chứng minh có việc yêu cầu bà N trả tiền lãi từ tháng 3 năm 2023 trở về sau. Bà T trình bày nhờ ông Q đứng tên giùm QSDĐ thửa số 1040 vì mục đích giấu chồng, để trừ khoản nợ 1.900.000.000 đồng của bà T. Tuy nhiên, bà N không đồng ý việc đứng tên giùm như lời trình bày của bà T và ông Q; bà T không chứng minh được việc nhờ ông Q đứng tên giùm và chứng minh khoản nợ giữa bà N và bà T để cấn trừ số tiền nợ

1.900.000.000 đồng. Mặt khác, lời trình bày của bà T là chị ruột của Q có liên quan nhưng không được đánh giá là khách quan về việc đứng tên giùm. Việc ông Q khởi kiện căn cứ vào giấy nợ và sự thừa nhận nếu không trả cho bà T thì cũng trả cho ông Q vì chỉ có một khoản nợ và thực tế có việc ông Q đã đứng tên QSDĐ thửa số 1040 đây là tình tiết không cần chứng minh. Từ đó, có căn cứ xác định ông Q đã nhận QSDĐ thửa 1040 của ông N1 là em ruột của ông P để cấn trừ số tiền vay 2.500.000.000 đồng là có căn cứ. Nếu sau này bà T có căn cứ chứng minh bà N và ông P nợ số tiền 1.900.000.000 đồng thì có quyền khởi kiện bà N và ông P một vụ kiện khác. Cấp sơ thẩm nhận định số tiền nợ buộc ông P và bà N trả nhưng không xem xét đến việc ông Q đã đứng tên thửa đất số 1040 mà nhận định tách ra để giải quyết vụ án khác là chưa xem xét đến toàn diện vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông P và bà N.

[4] Từ những phân tích tại mục [3] chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông P. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí tính trên số tiền yêu cầu khởi kiện, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp, số tiền án phí còn lại buộc ông Q tiếp tục phải nộp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông P không phải chịu, hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông P đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh).

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế Q yêu cầu ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N trả số tiền gốc và lãi là 3.081.000.000 (ba tỷ không trăm tám mươi mốt triệu) đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thế Q phải chịu chi phí giám định 2.511.000 (hai triệu năm trăm mười một nghìn) đồng. Do ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N đã nộp tạm ứng chi xong nên buộc ông Trần Thế Q hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Thị N số tiền 2.511.000 (hai triệu năm trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Thế Q phải chịu 93.620.000 (chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng. Khấu trừ 41.000.000 (bốn mươi mốt triệu) đồng tiền tạm ứng án phí ông Trần Thế Q đã nộp theo biên lai thu số 0009523 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Buộc ông Trần Thế Q phải nộp tiếp số tiền 52.620.000.000 (năm mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thanh P đã nộp theo biên lai thu số 0006692, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh.

5. Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền